

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 22/11/2019

V/v Ly hôn, nuôi con chung giữa
chị A và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH BẮC KẠN
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Hồng Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thanh Tú;

2. Ông Phạm Văn Ngọ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:*** Bà Âu Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai vụ án "Hôn nhân & Gia đình" thụ lý số: 78/2019/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 về việc "Xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 và **Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:**

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Ngọc A**, sinh năm 1995, (có mặt);

Trú tại: Thôn NR, xã NC, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bị đơn: Anh **Trần Thế T**, sinh năm 1992, (vắng mặt);

Trú tại: Thôn SH, xã NH, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị (Dương Ngọc A) trình bày:

Về hôn nhân và tình trạng hôn nhân: Ngày 20/9/2013, chị kết hôn với anh Trần Thế T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NC, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống chung với mẹ đẻ anh T tại thôn SH, xã NH, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, anh T không tu trí làm ăn, không chịu khó lao động, dẫn đến kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, một mình chị phải tự lao động để

nuôi con. Đến năm 2014, anh T phạm tội phải đi chấp hành án tại trại giam, đến tháng 8 năm 2018 thì hành xong án phạt tù ra trại trở về nhà, nhưng anh T vẫn không tu trí làm ăn, cuộc sống vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến chị phải bỏ nhà mang theo con về sống với mẹ đẻ của mình tại xã NC và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không liên lạc, điện thoại, thư từ gì cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên là Trần Dương Uy L, sinh ngày 25/3/2014, hiện nay khỏe mạnh, phát triển bình thường. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu L cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày (09/10/2019) bị đơn (Trần Thế T) trình bày: Về cơ bản anh nhất trí với nội dung trình bày của chị A về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NC vào ngày 20/9/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn SH, xã NH, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày. Đến năm 2014, anh T phạm tội phải đi chấp hành án, đến năm 2015 chị A bỏ nhà về sống với mẹ đẻ của mình ở xã NC, đến đầu năm 2018, anh T ra trại trở về địa phương và hai vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau tại thôn SH, xã NH được khoảng 02 tháng, sau đó chị A lại bỏ nhà về sống với mẹ đẻ của mình và vợ chồng anh sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng anh không quan tâm đến nhau. Nay chị A xin ly hôn anh T không nhất trí, xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn.

Về con chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày (09/10/2019) anh T có ý kiến, nếu vợ chồng phải ly hôn, anh có nguyện vọng xin được nuôi cháu L cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có tài sản chung và không có nợ chung.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng yêu cầu quy định. Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần, nhưng cố tình trốn tránh vắng mặt không có lý do. Về quan hệ pháp

luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CM theo quy định của Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa xét xử lần hai, bị đơn Trần Thế T vẫn tiếp tục vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 27, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình xem xét quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Ngọc A. Chị Dương Ngọc A được ly hôn anh Trần Thế T.

- Về con chung: Giao con chung Trần Dương Uy L, sinh ngày 25/3/2014 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi nào anh T có yêu cầu thay đổi người nuôi con có quyền khởi kiện thay đổi người nuôi con chung sau khi ly hôn bằng vụ án dân sự khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQUBTVQH14. Buộc chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ đến bị đơn. Đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần để các đương sự quay trở lại đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, cả hai phiên hòa giải anh T đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án không hòa giải được. Tại biên bản lấy lời khai ngày (09/10/2019) anh Trần Thế T thừa nhận, bị đơn đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt, nếu Tòa án có triệu tập đến giải quyết, xét xử anh T vẫn vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 06/11/2019, Tòa án đã mở phiên tòa (lần 1) để xét xử vụ án, nhưng anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa. Việc mở lại phiên tòa (lần 2) để xét xử việc ly hôn theo yêu cầu của chị A là cần thiết để đảm bảo quyền lợi cho đương sự. Tại phiên tòa xét xử (lần 2), anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

- Về quan hệ hôn nhân và tình trạng hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh T là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, mâu thuẫn vợ chồng diễn ra trong thời gian dài không được giải quyết, dẫn đến tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Sau khi anh T

chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương, hai vợ chồng chung sống với nhau trong một thời gian ngắn, nhưng sau đó lại tiếp tục sống ly thân, trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm đến nhau, chính các đương sự cũng thừa nhận điều này. Như vậy, chính tổ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình, việc xin ly hôn của chị A là có cơ sở, cần được chấp nhận.

Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương nơi chị A và anh T chung sống và những người thân của các đương sự, ông (Trần Thế C) ông nội của anh T, bà (Bùi Thị L) mẹ đẻ của chị A đã cho biết như sau: Tình trạng mâu thuẫn giữa chị A và anh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, dẫn đến vợ chồng đã phải sống ly thân trong một thời gian dài, nhưng tình cảm vẫn không cải thiện được, hiện tại vợ chồng đang sống ly thân và không quan tâm đến nhau.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị A xác định cuộc sống hôn nhân đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị A cương quyết xin được ly hôn với anh T. Yêu cầu xin ly hôn của chị A là có căn cứ, cần được chấp nhận.

- *Về con chung*: Chị A và anh T có 01 con chung tên là Trần Dương Uy L, sinh ngày 25/3/2014. Quá trình giải quyết vụ án, hiện tại cháu L đang sống với chị A tại nhà mẹ đẻ chị A tại xã NC. Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, để đảm bảo cho trẻ em được phát triển tốt nhất về mọi mặt, sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ do chị A cung cấp, xét thấy việc giao con cho chị A được quyền nuôi dưỡng cháu L là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng đảm bảo quyền lợi cho người chưa thành niên. Sau khi ly hôn, anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi nào anh T có yêu cầu thay đổi người nuôi con, có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người nuôi con chung sau khi ly hôn bằng vụ án dân sự khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Chị A và anh T đều xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Dương Ngọc A. Chị Dương Ngọc A được ly hôn anh Trần Thế T.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Trần Dương Uy L, sinh ngày 25/3/2014 cho chị Dương Ngọc A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi nào anh T có yêu cầu thay đổi người nuôi con, có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người nuôi con chung sau khi ly hôn bằng vụ án dân sự khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Ngọc A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do chị A đã nộp theo biên lai số 0002035 ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn (Dương Ngọc A) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (Trần Thế T) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự;
- UBND xã NC;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vương Hồng Giang